

Số: 39/QĐ-BVGT

Thái Nguyên, ngày 23 tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Công nhận kết quả phỏng vấn/thực hành (vòng 2)
kỳ xét tuyển viên chức Bệnh viện Gang Thép năm 2024**

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN GANG THÉP

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 07/12/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Thông tư số 06/2020/TT- BNV ngày 02/12/2020 của Bộ Nội vụ về ban hành quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

Căn cứ Kế hoạch số 1997/KH-BVGT ngày 02/12/2024 của Bệnh viện Gang Thép Thái Nguyên về xét tuyển viên chức vào làm việc tại Bệnh viện Gang Thép trực thuộc Sở Y tế Thái Nguyên năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 1595/QĐ-BVGT ngày 05/12/2024 của Bệnh viện Gang Thép về việc thành lập Hội đồng xét tuyển viên chức vào làm việc tại Bệnh viện Gang Thép, trực thuộc Sở Y tế Thái Nguyên năm 2024;

Căn cứ Biên bản họp ngày 23/01/2025 của Hội đồng xét tuyển viên chức Bệnh viện Gang Thép năm 2024;

Theo đề nghị của Thư ký Hội đồng xét tuyển viên chức Bệnh viện Gang Thép năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả phỏng vấn/thực hành (vòng 2) kỳ xét tuyển viên chức vào làm việc tại Bệnh viện Gang Thép năm 2024 đối với các thí sinh có tên sau:
(Có Bảng tổng hợp kết quả xét tuyển kèm theo).

Điều 2. Hội đồng xét tuyển viên chức Bệnh viện Gang Thép năm 2024 thông báo kết quả kỳ xét tuyển viên chức năm 2024 trên Trang thông tin điện tử Bệnh viện Gang Thép và niêm yết công khai kết quả xét tuyển tại trụ sở Bệnh viện Gang Thép để thí sinh dự tuyển biết và thực hiện.

Điều 3. Hội đồng xét tuyển viên chức Bệnh viện Gang Thép năm 2024; các thí sinh có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *N*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Phòng QLCLBV (đăng tin);
- Sở Y tế (B/cáo);
- Lưu: VT, HSXTVC.



Nguyễn Hữu Trung

BỆNH VIỆN GANG THÉP
HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ PHÒNG VẤN/ THỰC HÀNH VÒNG 2
KỲ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC LÀM VIỆC TẠI BỆNH VIỆN GANG THÉP NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 39/QĐ-BVGT ngày 23/01/2025 của Bệnh viện Gang Thép V/v công nhận kết quả phỏng vấn/thực hành của thí sinh tham dự vòng 2 kỳ xét tuyển viên chức vào làm việc tại Bệnh viện Gang Thép năm 2024)

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Dân tộc	Địa chỉ	Trình độ chuyên môn	Điểm			Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
		Nam	Nữ				Điểm phỏng vấn/ thực hành	Điểm ưu tiên	Tổng điểm		
I	Bác sĩ hạng III chuyên ngành đa khoa/ y khoa										
1	Hoàng Ngọc Ánh		07/09/1998	Nùng	xã Tân Long, huyện Đồng Hỷ tỉnh Thái Nguyên	Bác sĩ Y khoa	84.0	5.0	89.0	Người dân tộc thiểu số	
2	Ma Thị Ánh		01/12/2000	Tày	xã Phúc Lương, Huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên	Bác sĩ Y khoa	66.0	5.0	71.0	Người dân tộc thiểu số	
3	Dương Xuân Ba	05/02/1998		Kinh	xã Tân Quang, TP Sông Công, tỉnh Thái Nguyên	Bác sĩ Y khoa	85.0		85.0		
4	Đặng Thị Chuyên		20/11/1995	Sán diu	xã Linh Sơn, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	Bác sĩ Y khoa	82.5	5.0	87.5	Người dân tộc thiểu số	
5	Nông Bích Diệu		01/9/1999	Tày	phường Ngọc Xuân, TP Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	Bác sĩ Y khoa	32.9	5.0	37.9	Người dân tộc thiểu số	
6	Nguyễn Thị Thu Dung		10/8/2000	Kinh	Phường Gia Sàng, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	Bác sĩ Y khoa					Không tham dự
7	Hoàng Thị Điệp		11/01/1995	Nùng	xã Mai Pha, TP Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn	Bác sĩ Y khoa	88.5	5.0	93.5	Người dân tộc thiểu số	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Dân tộc	Địa chỉ	Trình độ chuyên môn	Điểm			Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
		Nam	Nữ				Điểm phỏng vấn/ thực hành	Điểm ưu tiên	Tổng điểm		
8	Nguyễn Thị Hương Giang		26/06/1996	Kinh	Phường Gia Sàng, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	Bác sỹ Y khoa	84.5		84.5		
9	Hoàng Thị Thu Hà		03/04/1998	Tày	Xã Bình Yên, Huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên	Bác sỹ Y khoa	84.0	5.0	89.0	Người dân tộc thiểu số	
10	Nguyễn Hữu Hai	01/9/2000		Kinh	xã Nhã Lộng, Huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên	Bác sỹ Y khoa	66.5		66.5		
11	Vũ Hồng Hạnh		13/02/1994	Nùng	Xã Hòa Bình, Huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên	Bác sỹ Y khoa	82.5	5.0	87.5	Người dân tộc thiểu số	
12	Đặng Thị Hào		15/9/1999	Sán Diu	thị trấn Quân Chu, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên	Bác sỹ Y khoa	69.0	5.0	74.0	Người dân tộc thiểu số	
13	Nguyễn Thị Hậu		29/09/1997	Tày	Xã Kim Phụng, Huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên	Bác sỹ Y khoa	80.0	5.0	85.0	Người dân tộc thiểu số	
14	Lương Minh Hiệp		01/11/1997	Tày	Xã Phú Đình, Huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên	Bác sỹ Y khoa	82.5	5.0	87.5	Người dân tộc thiểu số	
15	Bàng Lê Mạnh Hoàng	16/12/2000		Kinh	Phường Trung Thành, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	Bác sỹ Y khoa	83.5		83.5		
16	Phạm Huy Hoàng	21/8/2000		Kinh	phường Đắc Sơn, TP Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên	Bác sỹ Y khoa	56.0		56.0		
17	Lương Thị Thu Hồng		22/09/2000	Nùng	Xã Phúc Chu, Huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên	Bác sỹ Y khoa	80.5	5.0	85.5	Người dân tộc thiểu số	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Dân tộc	Địa chỉ	Trình độ chuyên môn	Điểm			Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
		Nam	Nữ				Điểm phỏng vấn/ thực hành	Điểm ưu tiên	Tổng điểm		
18	Bùi Văn Hùng	22/06/1998		Kinh	Xã Ngọc Vân, Huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang	Bác sỹ Y khoa	84.5		84.5		
19	Nguyễn Văn Huy	17/11/1996		Kinh	Xã Thành Hưng, Huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa	Bác sỹ Y khoa	83.0		83.0		
20	Phạm Thị Thu Hường		28/8/1998	Kinh	Phường Cam Giá, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	Bác sỹ Y khoa	83.5		83.5		
21	Nguyễn Thị Lan		12/05/1999	Kinh	Xã Hương Lâm, Huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang	Bác sỹ Y khoa	71.5		71.5		
22	Dương Thị Trang Linh		14/03/1998	Kinh	Xã Úc Kỳ, Huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên	Bác sỹ Y khoa	80.5		80.5		
23	Mông Thị Linh		01/10/1997	Nùng	Xã Tân Thành, Huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên	Bác sỹ Y khoa	80.0	5.0	85.0	Người dân tộc thiểu số	
24	Vũ Hải Long	24/03/1998		Kinh	Phường Tân Thành, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	Bác sỹ Y khoa	77.0		77.0		
25	Nguyễn Quang Minh	01/03/1995		Kinh	Xã Lâu Thượng, Huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên	Bác sỹ Y khoa	75.0		75.0		
26	Dương Thị Hà My		21/11/1996	Tày	Xã Phú Thượng, Huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên	Bác sỹ Y khoa	90.0	5.0	95.0	Người dân tộc thiểu số	
27	La Thuỳ Ninh		16/03/1997	Nùng	Xã Phục Linh, Huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên	Bác sỹ Y khoa	84.5	5.0	89.5	Người dân tộc thiểu số	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Dân tộc	Địa chỉ	Trình độ chuyên môn	Điểm			Đổi tượng ưu tiên	Ghi chú
		Nam	Nữ				Điểm phỏng vấn/ thực hành	Điểm ưu tiên	Tổng điểm		
28	Hoàng Kim Ngân	19/05/1993		Tày	phường Thịnh Đán, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	Bác sỹ Y khoa	82.5	5.0	87.5	Người dân tộc thiểu số	
29	Lê Bình Nguyên	26/03/1997		Kinh	phường Tân Lập, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	Bác sỹ Y khoa	89.0		89.0		
30	Lý Thị Oanh		20/10/1998	Sán Dìu	Xã Huống Thượng, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	Bác sỹ Y khoa	83.0	5.0	88.0	Người dân tộc thiểu số	
31	Trần Dương Quang	19/6/1998		Tày	xã Hà Thượng, Huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên	Bác sỹ Y khoa	83.0	5.0	88.0	Người dân tộc thiểu số	
32	Hoàng Văn Quân	16/10/1994		Nùng	Xã Thịnh Đức, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	Bác sỹ Y khoa	89.3	5.0	94.3	Người dân tộc thiểu số	
33	Lê Thị Trúc Quỳnh		04/01/1995	Kinh	Xã Yên Lãng, Huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên	Bác sỹ Y khoa	80.5		80.5		
34	Ma Diệu Quỳnh		18/01/1999	Dao	xã Linh Thông, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên	Bác sỹ Y khoa	50.0	5.0	55.0	Người dân tộc thiểu số	
35	Trần Thị Tịnh		24/04/1997	Sán dìu	Phường Trung Thành, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	Bác sỹ Y khoa	77.0	5.0	82.0	Người dân tộc thiểu số	
36	Đặng Thái Tinh	10/03/2000		Sán Dìu	Xã Linh Sơn, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	Bác sỹ Y khoa	78.5	5.0	83.5	Người dân tộc thiểu số	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Dân tộc	Địa chỉ	Trình độ chuyên môn	Điểm			Đổi tượng ưu tiên	Ghi chú
		Nam	Nữ				Điểm phỏng vấn/ thực hành	Điểm ưu tiên	Tổng điểm		
37	Lưu Quang Thế	20/01/1997		Kinh	Xã Đồng Tân, Huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang	Bác sỹ Y khoa	80.5		80.5		
38	Lê Đức Thọ	10/10/1992		Kinh	xã Nghĩa Hưng, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc	Bác sỹ Y khoa	80.0		80.0		
39	Lê Thị Hương Thơm		19/02/1997	Kinh	xã Đạo Trù, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc	Bác sỹ Y khoa					Không tham dự
40	Trần Thị Thanh Thùy		03/02/1999	Kinh	Phường Tân Phú, TP Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên	Bác sỹ Y khoa	80.5		80.5		
41	Triệu Thị Kiều Thuyên		04/06/1996	Nùng	Xã Phan Thanh, Huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái	Bác sỹ Y khoa	82.0	5.0	87.0	Người dân tộc thiểu số	
42	Dương Thị Thư		30/03/1997	Sán chỉ	Xã Phúc Chu, Huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên	Bác sỹ Y khoa	78.5	5.0	83.5	Người dân tộc thiểu số	
43	Nguyễn Quỳnh Thư		24/11/1999	Tày	xã Kim Hỷ, huyện Na Rỳ, tỉnh Bắc Kạn	Bác sỹ Y khoa	65.5	5.0	70.5	Người dân tộc thiểu số	
44	Nguyễn Văn Trường	06/11/1999		Kinh	Xã Dương Đức, Huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang	Bác sỹ Y khoa	80.6		80.6		
45	Lăng Hoàng Việt	23/05/1994		Nùng	Xã Bản Ngoại, Huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên	Bác sỹ Y khoa	81.0	5.0	86.0	Người dân tộc thiểu số	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Dân tộc	Địa chỉ	Trình độ chuyên môn	Điểm			Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
		Nam	Nữ				Điểm phỏng vấn/ thực hành	Điểm ưu tiên	Tổng điểm		
II	Bác sĩ hạng III chuyên ngành Y học cổ truyền										
1	Hà Quý Anh	15/5/1997		Dao	xã Phú Thuận, TP Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên	Bác sĩ Y học cổ truyền					Không tham dự
2	Ma Thị Hương Giang		04/10/1998	Tày	xã Cúc Đường, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên	Bác sĩ Y học cổ truyền	58.5	5.0	63.5	Người dân tộc thiểu số	
3	Lê Thị Hằng		13/10/2000	Kinh	xã Tân Khánh, Huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên	Bác sĩ Y học cổ truyền	86.5		86.5		
4	Phạm Thanh Huyền		14/9/1990	Kinh	xã Minh Trí, huyện Sóc Sơn, TP Hà Nội	Bác sĩ Y học cổ truyền	80.0		80.0		
5	Bùi Minh Thắng	29/12/1999		Kinh	Phường Hương Sơn, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	Bác sĩ Y học cổ truyền	79.5		79.5		
6	Nguyễn Thanh Thủy		13/03/1995	Kinh	Phường Thắng Lợi, TP Sông Công, tỉnh Thái Nguyên	Bác sĩ Y học cổ truyền	84.0		84.0		
7	Nguyễn Thị Yến		16/02/1995	Kinh	Thị trấn Hương Sơn, Huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên	Bác sĩ Y học cổ truyền	85.0		85.0		
III	Bác sĩ hạng III chuyên ngành Răng Hàm Mặt										
1	Phan Thành Luân	04/08/1995		Nùng	Xã La Hiên, Huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên	Bác sĩ Răng Hàm Mặt	86.5	5.0	91.5	Người dân tộc thiểu số	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Dân tộc	Địa chỉ	Trình độ chuyên môn	Điểm			Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
		Nam	Nữ				Điểm phỏng vấn/ thực hành	Điểm ưu tiên	Tổng điểm		
IV	Điều dưỡng hạng III										
1	Nguyễn Thị Ngọc Anh		14/3/2002	Kinh	Phường Hương Sơn, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	Cử nhân Điều dưỡng	46.0		46.0		
2	Dương Thị Thanh Chúc		03/4/2002	Kinh	xã Điềm Thụy, Huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên	Cử nhân Điều dưỡng	73.0		73.0		
3	Nguyễn Thị Hà		24/10/2001	Kinh	xã Thượng Đình, Huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên	Cử nhân Điều dưỡng	71.0		71.0		
4	Nguyễn Thanh Hiền		04/02/1996	Kinh	Phường Trung Thành, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	Cử nhân Điều dưỡng	73.0		73.0		
5	Nguyễn Thị Lệ		30/10/2002	Kinh	xã Đồng Tân, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang	Cử nhân Điều dưỡng	46.0		46.0		
6	Nguyễn Thị Thắm		23/6/2002	Kinh	xã Đào Xá, Huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên	Cử nhân Điều dưỡng	48.5		48.5		
7	Trịnh Thị Thúy		25/10/2001	Tày	xã Tân Hòa, Huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên	Cử nhân Điều dưỡng					Không tham dự
8	Nguyễn Thị Hồng Toan		10/5/1997	Kinh	xã Hà Châu, Huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên	Cử nhân Điều dưỡng	66.0		66.0		
9	Hoàng Thị Thu Trang		11/11/2002	Kinh	phường Quang Trung, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	Cử nhân Điều dưỡng					Không tham dự
10	Lý Thị Xuyên		31/12/2002	Nùng	xã Tân Hòa, Huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên	Cử nhân Điều dưỡng					Không tham dự

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Dân tộc	Địa chỉ	Trình độ chuyên môn	Điểm			Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
		Nam	Nữ				Điểm phỏng vấn/ thực hành	Điểm ưu tiên	Tổng điểm		
V	Dược sỹ hạng III										
1	Hoàng Mĩ Hương		01/3/1998	Tày	xã Nguyễn Huệ, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng	Dược sỹ đại học					Không tham dự
2	Nguyễn Thị Nhung		04/10/2000	Kinh	xã Hà Châu, Huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên	Dược sỹ đại học	43.0		43.0		
3	Trần Thị Yến Phượng		20/4/1997	Kinh	phường Phú Xá, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	Dược sỹ đại học	84.5		84.5		
4	Trần Thị Hà Trang		07/7/2001	Kinh	phường Đắc Sơn, TP Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên	Dược sỹ đại học	91.0		91.0		
5	Phan Thị Quỳnh Trang		04/01/1993	Kinh	xã Châu Khê, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An	Dược sỹ đại học	46.5		46.5		
VI	Kỹ thuật Y hạng III										
1	Trần Ngọc Anh		10/01/2001	Kinh	Phường Hương Sơn, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	Cử nhân Kỹ thuật xét nghiệm Y học	91.0		91.0		
2	Đặng Đức Bình	13/04/2002		Kinh	Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội	Cử nhân Kỹ thuật xét nghiệm Y học	93.0		93.0		
3	Dương Thị Hiền		16/6/1994	Kinh	phường Phan Đình Phùng, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	Cử nhân Sinh học	94.0		94.0		
VII	Kỹ thuật Y hạng IV										
1	Đặng Văn Anh	25/5/1989		Kinh	xã Nga My, Huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên	Cao đẳng Kỹ thuật hình ảnh Y học	79.5		79.5		

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Dân tộc	Địa chỉ	Trình độ chuyên môn	Điểm			Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
		Nam	Nữ				Điểm phỏng vấn/ thực hành	Điểm ưu tiên	Tổng điểm		
VIII Chuyên viên về tổng hợp											
1	Hoàng Thị Huệ Anh		17/07/1997	Kinh	Phường Gia Sàng, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	Bác sỹ Y học dự phòng	80.0		80.0		
2	Vũ Hoàng Nhi		28/12/2000	Kinh	phường Tân Thịnh, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	Bác sỹ Y học dự phòng	81.5		81.5		
IX Chuyên viên về thống kê											
1	Nguyễn Tiến Đức	15/10/1991		Kinh	Phường Gia Sàng, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	Cử nhân Kinh tế	70.0		70.0		
2	Nguyễn Thị Hồng		05/3/1995	Kinh	xã Bàn Đạt, Huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên	Cử nhân Kinh tế	36.0		36.0		
X Công nghệ thông tin hạng III											
1	Đặng Tiến Dũng	19/06/1998		Kinh	Thị trấn Hóa Thượng, Huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên	Kỹ sư An toàn thông tin	80.0		80.0		
2	Đặng Thị Hạ		01/02/1983	Dao	Phường Phú Xá, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	Đại học Công nghệ thông tin	75.0	5.0	80.0	Người dân tộc thiểu số	
3	Nguyễn Mạnh Thắng	02/10/1989		Kinh	Phường Cam Giá, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	Cử nhân Toán-tin ứng dụng	89.0		89.0		

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Dân tộc	Địa chỉ	Trình độ chuyên môn	Điểm			Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
		Nam	Nữ				Điểm phỏng vấn/ thực hành	Điểm ưu tiên	Tổng điểm		
XI	Kế toán hạng III										
1	Nguyễn Thị Giang		28/3/1995	Kinh	xã Văn Môn, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh	Cử nhân Kế toán					Không tham dự
2	Đoàn Khánh Linh		20/11/1993	Kinh	Phường Hương Sơn, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	Đại học Tài chính-ngân hàng	82.5		82.5		
3	Vương Thị Thanh Ngân		18/8/2002	Kinh	phường Chùa Hang, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	Đại học Tài chính-ngân hàng	70.5		70.5		
4	Nguyễn Thị Ngọc		27/5/1990	Kinh	phường Đồng Quang, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	Cử nhân Kế toán	16.5	5.0	21.5	Con bệnh binh	
5	Ong Thị Huyền Nhung		15/9/1987	Kinh	xã Đào Xá, Huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên	Đại học kế toán	39.3		39.3		

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN


 Lê Thị Việt Anh

TM HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN

CHỦ TỊCH


 Nguyễn Hữu Trung